TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25/12/2023
" V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Luật;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Minh Lệ;
Ông Trần Văn Tuyến;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Trung Thành – Thư ký Chính Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Ông Lê Xuân An – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2023 về việc "*tranh chấp ly hôn, nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2023/QĐST-HNGĐ ngày 11/12/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Dương Thị Kiều Th, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Thôn H, xã Tr, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị, có mặt.
2. Bị đơn: Anh Lê Văn Ph, sinh năm 1987;
Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn H, xã Tr, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị.
Địa chỉ hiện nay: Đang xuất khẩu lao động, làm việc tại Hàn Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05/9/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Dương Thị Kiều Th trình bày:

Ngày 19/11/2009, chị Dương Thị Kiều Th và anh Lê Văn Ph kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Triệu A, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị. Do điều kiện gia đình, anh Lê Văn Ph đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản từ năm 2013, sau đó đến năm 2019 anh Ph đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc cho đến nay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc, cả hai thường xuyên liên lạc với nhau, nhưng sau đó giữa hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, không thể hàn gắn lại với nhau. Tình cảm vợ chồng ngày càng ít quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Nay chị Th thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th xin được ly hôn anh Lê Văn Ph.

+ Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Dương Hương G, sinh ngày 18/6/2010 và cháu Lê Ngọc H, sinh ngày 23/4/2018. Ly hôn, chị Th xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai cháu G và cháu H. Chị Th yêu cầu anh Ph cấp dưỡng nuôi con cho hai cháu mỗi tháng 3.000.000 đồng, cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn Ph không có ý kiến trình bày gì.

- *Tại Biên bản làm việc ngày 10/11/2023, bà Dương Thị H (là mẹ đẻ của anh Lê Văn Ph) có ý kiến như sau:*

Cháu Lê Văn Ph và chị Dương Thị Kiều Th đăng ký kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã Triệu A, huyện Triệu Ph, tỉnh Quảng Trị. Vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Dương Hương G, sinh ngày 18/6/2010 và cháu Lê Ngọc H, sinh ngày 23/4/2018. Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng cháu Ph không có mâu thuẫn gì lớn. Năm 2013 thì cháu Ph đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản, sau đó đến năm 2019 cháu Ph tiếp tục đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc cho đến nay. Cũng vì cháu Ph đi xuất khẩu lao động nhiều năm không về mới phát sinh mâu thuẫn. Hiện nay, chị Dương Thị Kiều Th xin ly hôn cháu Lê Văn Ph và xin được nuôi dưỡng 02 cháu Lê Dương Hương G và cháu Lê Ngọc H thì gia đình bà H không có ý kiến gì, hai vợ chồng tự quyết định chuyện tình cảm vợ chồng và con cái.

Gia đình bà Dương Thị H đã nhận được Thông báo số 51/TB-TLVA ngày 05/10/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc thụ lý giải quyết vụ án "ly hôn và tranh chấp nuôi con" giữa chị Th với cháu Ph. Gia đình đã gọi điện thoại và thông báo cho cháu Ph biết việc chị Th có đơn xin ly hôn, nhưng cháu Ph bận lao động nên không thể sắp xếp về nước để giải quyết việc ly hôn được.

Hiện nay, gia đình không biết được địa chỉ cụ thể của cháu Lê Văn Ph tại Hàn Quốc, nhưng cháu Ph và gia đình vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại và qua mạng xã hội Facebook, Zalo.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị:*

+ Về tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nên không thực hiện quyền, nghĩa vụ theo Điều 70, 72 BLTTDS; vụ án có yếu tố nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

+ Về nội dung:

Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 37, khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147, Điều 469, khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Kiều Th được ly hôn anh Lê Văn Ph.

- Về con chung: Giao 02 cháu Lê Dương Hương G, sinh ngày 18/6/2010 và cháu Lê Ngọc H, sinh ngày 23/4/2018 cho chị Dương Thị Kiều Th chăm sóc, nuôi dưỡng.

Anh Lê Văn Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 cháu, cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Anh Lê Văn Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Chị Dương Thị Kiều Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Lê Văn Ph phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Khi chị Dương Thị Kiều Th nộp đơn xin ly hôn anh Lê Văn Ph, thì anh Ph đang lao động tại Hàn Quốc. Trước và sau khi thụ lý vụ án, nguyên đơn chị Th và gia đình anh Ph không cung cấp được địa chỉ của anh Ph tại Hàn Quốc, nhưng phía gia đình của anh Lê Văn Ph vẫn thường xuyên liên lạc với anh Ph qua điện thoại và qua mạng xã hội Facebook, nên được coi là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Do đó, căn cứ hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc *"Giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ"* để giải quyết vụ án theo thủ tục chung, được quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ cho người thân của anh Ph các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; và gia đình cam đoan thông báo lại các văn bản tố tụng cho anh Ph biết, nhưng anh Ph không có bản trình bày ý kiến, không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên không tiến hành phiên họp và hòa giải được. Tòa án đã tiến hành các thủ tục để mở phiên tòa xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Bị đơn anh Lê Văn Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Dương Thị Kiều Th, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Quan hệ hôn nhân giữa chị Dương Thị Kiều Th và anh Lê Văn Ph là hợp pháp và thực hiện đầy đủ các điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nguyên nhân ly hôn, chị Th cho rằng vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, ít quan tâm, liên lạc với nhau và không thể hàn gắn tình cảm được. Anh Ph đi lao động ở nước ngoài ít có điều kiện về thăm gia đình, ít quan tâm, chăm sóc vợ con.

HĐXX xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh Ph đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên đơn có nguyện vọng được ly hôn là chính đáng. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Dương Thị Kiều Th được ly hôn anh Lê Văn Ph.

[2.2] Về con chung:

Chị Th và anh Ph có 02 cháu Lê Dương Hương G, sinh ngày 18/6/2010 và cháu Lê Ngọc H, sinh ngày 23/4/2018, khi ly hôn chị Th có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai cháu và yêu cầu anh Lê Văn Ph cấp dưỡng nuôi con; Hội đồng xét xử thấy: Việc giao con cho ai nuôi là đảm bảo quyền lợi của 02 cháu. Anh Lê Văn Ph hiện đang sinh sống và lao động tại Hàn Quốc nên không có điều kiện để chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Trong khi đó, chị Th có điều kiện trong việc nuôi dưỡng cả hai cháu và cháu G cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, giao 02 cháu Lê Dương Hương G và cháu Lê Ngọc H cho chị Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Lê Văn Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng/02 cháu, cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Dương Thị Kiều Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Lê Văn Ph phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 37, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 469, khoản 1, 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị Kiều Th được ly hôn anh Lê Văn Ph.

2. Về con chung: Giao 02 cháu Lê Dương Hương G, sinh ngày 18/6/2010 và cháu Lê Ngọc H, sinh ngày 23/4/2018 cho chị Dương Thị Kiều Th trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh Lê Văn Ph có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), cho đến khi các cháu đến tuổi thành niên và có khả năng lao động.

Anh Lê Văn Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn, không ai được cản trở quyền này.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Dương Thị Kiều Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000446 ngày 29 tháng 9 năm 2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị. Chị Dương Thị Kiều Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Anh Lê Văn Ph phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Quyền kháng cáo: Chị Dương Thị Kiều Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Lê Văn Ph có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh QTrị;
- UBND xã Triệu A, h Triệu Ph;
- Cục THADS tỉnh QTrị;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV, Tổ HCTP;
- Lưu hồ sơ, VP Tòa.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Văn Luật